TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2020/HN&GĐ-ST
Ngày 27/3/2020.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bỉnh Quyền.

Bà Trương Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1973. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình C kết hôn với nhau năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng bình thường đến năm 2008 thì vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân do

vợ chồng không hợp nhau, nên chị N đã đem hai con về bên ngoại ở huyện N sinh sống, ly thân với anh C cho đến nay. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 30/01/2004 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 08/9/2008. Nguyện vọng của chị N là được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị N.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2020 bị đơn anh Nguyễn Đình C như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận. Vợ chồng anh đã ly thân từ rất lâu, chị N mang con bỏ về nhà ngoại ở. Nay chị N làm đơn ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 30/01/2004 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 08/9/2008. Chị N có nguyện vọng nuôi cả hai con anh cũng đồng ý.

Về tài sản: Anh C không có đề nghị gì.

Quá trình giải quyết anh C không có mặt tại tòa, do đó Tòa án đã trực tiếp vào nơi cư trú của anh để làm việc và chị N có đơn từ chối việc hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 18/02/2020 với Ủy ban nhân dân xã T đã xác định chị N cùng hai con đã về bên ngoại ở xã C, huyện N từ năm 2008 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị N; chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị N và anh C; giao 02 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp không phải cấp dưỡng; án phí chị N chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết anh C không có mặt tại tòa, chị N có đơn từ chối việc hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh C và chị N đều làm đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án áp dụng quy định tại Điều 207, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống với nhau bình thường được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, năm 2008 chị N cùng hai con về bên ngoại ở huyện N để ở. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn ly hôn, anh C cũng đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đồng ý ly hôn, như vậy hai bên đã thuận tình ly hôn và sự thuận tình đó là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận sự thuận tình của hai bên về việc ly hôn là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 18/02/2020 với Ủy ban nhân dân xã T.

[3] Về con: Chị N và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 30/01/2004 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 08/9/2008. Chị N có nguyện vọng nuôi cả hai con, anh C cũng đồng ý. Xét về việc nuôi con thì hiện nay hai con đang ở với chị N, nguyện vọng của các con là muốn ở với mẹ, để tránh cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu nên giao cho chị N trực tiếp nuôi hai con là phù hợp với điều kiện của hai bên hiện nay. Anh C hiện nay không có nghề nghiệp, không có thu nhập, lại thường xuyên say sỉn theo như xác minh của Ủy ban nhân dân xã T nên không buộc anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và cũng là phù hợp với việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị N.

[4] Về tài sản: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình C.

Về con: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 30/01/2004 và Nguyễn Đình S, sinh ngày 08/9/2008.

Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Đình S. Anh Nguyễn Đình C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Đình C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa theo biên lai thu số AA/0009751 ngày 11/02/2020 (Chị N đã thi hành xong).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa.*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa.*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.*
- *UBND xã Hoằng Trạch.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*